

BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0506 /2003/QĐ-BTM

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
Ban hành Quy chế làm việc của Ban Thanh tra Nhân dân
Cơ quan Bộ Thương mại

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 4 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990 và Nghị định số 241/HĐBT ngày 05 tháng 8 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định về tổ chức và hoạt động của các Ban Thanh tra Nhân dân;

Sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Công đoàn Cơ quan Bộ Thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân Cơ quan Bộ Thương mại nhiệm kỳ 2003 - 2005,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Thanh tra Nhân dân Cơ quan Bộ Thương mại.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3.- Ban Thường vụ Công đoàn, Ban Thanh tra Nhân dân, Thủ trưởng các đơn vị và cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng
- Lưu: VT, CĐ, Ban Thanh tra Nhân dân.



Mai Văn Dâu

BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2003

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN CƠ QUAN BỘ THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 0506/2003/QĐ-CD ngày 02 tháng 05 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Ban Thanh tra Nhân dân Cơ quan Bộ Thương mại

Ban Thanh tra Nhân dân Cơ quan Bộ Thương mại (dưới đây gọi tắt là Ban Thanh tra Nhân dân) là tổ chức thanh tra của cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại do Đại hội cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín với nhiệm kỳ 02 năm.

Ban Thanh tra Nhân dân nhiệm kỳ 2003 - 2005 gồm chín đồng chí trong đó có một Trưởng Ban, một Phó Trưởng Ban và bảy Ủy viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không phải chuyên trách.

Điều 2.- Nguyên tắc làm việc của Ban Thanh tra Nhân dân

1.- Ban Thanh tra Nhân dân thực hiện chế độ làm việc tập thể, biểu quyết theo đa số và đề cao trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a.- Mọi công việc thuộc trách nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân đều được xem xét giải quyết khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời;

b.- Mỗi thành viên được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm chính về một số lĩnh vực công tác và báo cáo công việc tại cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Thanh tra Nhân dân;

c.- Tuân thủ trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết công việc và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn chung quy định tại Điều 27 Pháp lệnh Thanh tra;

d.- Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân điều hành công việc chung của Ban Thanh tra Nhân dân và phối hợp với các đơn vị trong Cơ quan Bộ Thương mại để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Thanh tra Nhân dân.

2.- Hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng Bộ Thương mại, sự chỉ đạo của Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Thương mại và sự hướng dẫn về nghiệp vụ của Chánh Thanh tra Nhà nước Bộ Thương mại.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 3.- *Nhiệm vụ của Ban Thanh tra Nhân dân*

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại và sự chỉ đạo của Công đoàn Cơ quan Bộ Thương mại, Ban Thanh tra Nhân dân có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra:

1.- Việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cơ quan Bộ Thương mại;

2.- Việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Cơ quan Bộ Thương mại;

3.- Việc sử dụng kinh phí hoạt động, bao gồm các nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác của Cơ quan Bộ Thương mại;

4.- Việc chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản công của Cơ quan Bộ Thương mại;

5.- Việc tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, nâng ngạch, đề bạt và việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại;

6.- Việc thực hiện nội quy, quy chế làm việc của Cơ quan Bộ Thương mại;

7.- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Cơ quan Bộ Thương mại.

Điều 4.- *Quyền hạn của Ban Thanh tra Nhân dân*

1.- Khi thực hiện nhiệm vụ, Ban Thanh tra Nhân dân có quyền yêu cầu đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Cơ quan Bộ Thương mại cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác giám sát, kiểm tra;

2.- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, lập biên bản và kiến nghị việc giải quyết với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó;

3.- Trong trường hợp xét thấy cần thiết hoặc khi kiến nghị của Ban Thanh tra Nhân dân không được giải quyết, Ban Thanh tra Nhân dân được quyền báo cáo và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để xem xét, giải quyết.

Điều 5.- *Cách thức giải quyết công việc của Ban Thanh tra Nhân dân*

1.- Thảo luận và quyết nghị tập thể về từng vấn đề được đặt ra tại cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường;

2.- Đối với một số vấn đề không nhất thiết phải thảo luận tại cuộc họp hoặc do không có điều kiện tổ chức cuộc họp thì Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân có thể gửi văn bản để lấy ý kiến các thành viên. Nếu có 2/3 số ý kiến nhất trí thì Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân ra quyết nghị giải quyết và báo cáo kết quả với Ban Thanh tra Nhân dân tại cuộc họp gần nhất; nếu dưới 2/3 số ý kiến nhất trí thì vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp gần nhất.

3.- Các quyết nghị tập thể giải quyết công việc của Ban Thanh tra Nhân dân chỉ có hiệu lực thực hiện khi được 2/3 số thành viên Ban Thanh tra Nhân dân nhất trí thông qua.

Trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp cũng như khi gửi văn bản để lấy ý kiến các thành viên, nếu số ý kiến nhất trí và không nhất trí bằng nhau thì quyết nghị giải quyết công việc theo ý kiến của Trưởng Ban.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ THUỘC CƠ QUAN BỘ THƯƠNG MẠI TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 6.- Trách nhiệm của Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân

- 1.- Chịu trách nhiệm chung về công tác của Ban Thanh tra Nhân dân;
- 2.- Xây dựng chương trình công tác của Ban Thanh tra Nhân dân và phân công phụ trách các lĩnh vực công tác đối với các thành viên để thảo luận và quyết nghị tại cuộc họp;
- 3.- Tổ chức và điều hành các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Thanh tra Nhân dân;
- 4.- Xử lý các đơn, thư và các ý kiến bằng văn bản của cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại gửi Ban Thanh tra Nhân dân và tham gia các cuộc họp về các vấn đề liên quan khi có yêu cầu;
- 5.- Quyết định cuối cùng về những vấn đề được thảo luận tại cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân và ký quyết nghị giải quyết công việc thuộc trách nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân.

Điều 7.- Trách nhiệm của Phó Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân

- 1.- Giúp Trưởng Ban chỉ đạo điều hành một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về lĩnh vực công tác được phân công;
- 2.- Ghi và ký các Biên bản cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Thanh tra Nhân dân để làm cơ sở cho việc ra quyết nghị giải quyết công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra Nhân dân;

3.- Phụ trách công tác kiểm tra vụ việc khi được giao nhiệm vụ và đơn đốc việc thực hiện các quyết nghị đã được thông qua;

4.- Phụ trách về kinh phí phục vụ cho công tác của Ban Thanh tra Nhân dân;

5.- Thay mặt Trưởng Ban chỉ đạo, điều hành công việc của Ban Thanh tra Nhân dân khi Trưởng Ban đi vắng.

Điều 8.- Trách nhiệm của Ủy viên Ban Thanh tra Nhân dân

1.- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm cá nhân được phân công và báo cáo công việc do mình phụ trách trước cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân;

2.- Bố trí thời gian phù hợp để nghiên cứu, giải quyết các công việc chung của Ban Thanh tra Nhân dân; chủ động đề xuất giải pháp xử lý công việc và cùng tập thể Ban Thanh tra Nhân dân giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân.

3.- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân và có ý kiến thay cho việc biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp để giải quyết công việc thuộc trách nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân.

4.- Không được nói và làm trái với các quyết nghị giải quyết công việc đã được thông qua. Trong trường hợp có ý kiến khác với các quyết nghị đó thì vẫn phải chấp hành và được trình bày ý kiến cá nhân của mình tại cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân.

Điều 9.- Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc Cơ quan Bộ Thương mại

1.- Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị và các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến nhiệm vụ giám sát, kiểm tra khi có yêu cầu của Ban Thanh tra Nhân dân;

2.- Thông báo kịp thời các thông tin cần thiết và cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra của Ban Thanh tra Nhân dân;

3.- Giải quyết kịp thời yêu cầu, kiến nghị của Ban Thanh tra Nhân dân và thông báo kết quả giải quyết đến Ban Thanh tra Nhân dân theo thời gian ấn định;

4.- Phối hợp chặt chẽ và tạo các điều kiện cần thiết cho Ban Thanh tra Nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ CUỘC HỌP CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 10.- *Chương trình công tác của Ban Thanh tra Nhân dân*

Chương trình công tác của Ban Thanh tra Nhân dân gồm chương trình công tác năm và chương trình công tác quý trên cơ sở Nghị quyết Đại hội cán bộ, công chức Cơ quan Bộ Thương mại.

Điều 11.- *Cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân*

1.- Ban Thanh tra Nhân dân họp định kỳ mỗi quý một lần vào ngày làm việc trong tuần cuối cùng của quý.

2.- Ban Thanh tra Nhân dân họp bất thường theo quyết định của Trưởng Ban hoặc theo yêu cầu của 1/3 số thành viên.

3.- Cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Ban Thanh tra Nhân dân tham dự.

Điều 12.- *Nội dung cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân*

1.- Thảo luận và thông qua chương trình công tác năm, chương trình công tác quý của Ban Thanh tra Nhân dân;

2.- Quyết nghị giải quyết các vấn đề có liên quan đến báo cáo công việc của các thành viên Ban Thanh tra Nhân dân;

3.- Kiểm điểm sự chỉ đạo điều hành, thực hiện Quy chế làm việc của Ban Thanh tra Nhân dân;

4.- Thảo luận và quyết nghị giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của Ban Thanh tra Nhân dân.

Cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân được ghi biên bản để làm cơ sở cho việc ra quyết nghị giải quyết công việc.

Chương V CÔNG BỐ VÀ THỰC HIỆN QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 13.- Công bố quyết nghị của Ban Thanh tra Nhân dân

Quyết nghị giải quyết công việc của Ban Thanh tra Nhân dân thông qua tại cuộc họp được công bố đến cán bộ, công chức có liên quan thuộc Cơ quan Bộ Thương mại trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân.

Điều 14.- Thực hiện quyết nghị của Ban Thanh tra Nhân dân

1.- Đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Cơ quan Bộ có trách nhiệm thực hiện quyết nghị giải quyết công việc của Ban Thanh tra Nhân dân.

2.- Ủy viên Ban Thanh tra Nhân dân được phân công theo dõi, chịu trách nhiệm chính lĩnh vực công tác có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo công việc trước cuộc họp của Ban Thanh tra Nhân dân.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 15.- Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 241/HĐBT ngày 05 tháng 8 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Ban Thanh tra Nhân dân được sử dụng một phần kinh phí hành chính của Cơ quan Bộ Thương mại phục vụ cho hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân trên cơ sở đề nghị của Ban Thanh tra Nhân dân.

Điều 16.- Khen thưởng, kỷ luật

1.- Cá nhân và tập thể Ban Thanh tra Nhân dân có thành tích hoặc vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ được đề nghị khen thưởng hoặc kỷ luật theo quy định chung của Nhà nước,

2.- Đơn vị, cá nhân có hành vi cản trở công việc của Ban Thanh tra Nhân dân hoặc có hành động trù dập, trả thù các thành viên của Ban Thanh tra Nhân dân tùy theo mức độ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17.- Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
THỨ TRƯỞNG**



Mai Văn Dâu